

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/HĐND-VP

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 7 năm 2022

V/v gửi tài liệu tiếp xúc cử tri sau
kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân
tỉnh khóa X

Kính gửi: Các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa X

Để phục vụ tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khoá X, Thường trực HĐND tỉnh gửi các vị đại biểu HĐND tỉnh: Báo cáo tóm tắt kết quả kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khóa X. (*bản giấy và bản điện tử*)

Đề nghị các vị đại biểu nghiên cứu tài liệu và các nghị quyết đã được thông qua tại kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X, lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo với cử tri theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBMTTQVN các xã, phường có điểm TXCT;
- TT. HĐND tỉnh;
- Các vị ĐB HĐND tỉnh khóa X;
- LĐVP;
- Phòng CT HĐND;
- Lưu VT.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Công Lệnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Tóm tắt kết quả kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khóa X
(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)

I. NỘI DUNG KỲ HỌP

Kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X được tổ chức trong 2,5 ngày (từ 18-20/7/2022) đã hoàn thành nội dung, chương trình đề ra: Xem xét các báo cáo theo luật định, thông qua 19 nghị quyết (trong đó có 15 nghị quyết chuyên đề và 03 nghị quyết thường kỳ; 01 nghị quyết về công tác cán bộ) và tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn. Cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2022; Báo cáo hoạt động của HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022; Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến trước và sau kỳ họp thứ sáu HĐND tỉnh khóa X, một số ý kiến, kiến nghị từ kỳ họp thứ ba HĐND tỉnh khóa X trở về trước.

2. Thống nhất với báo cáo công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác của cơ quan, đơn vị liên quan theo luật định.

3. Bầu bổ sung Ủy viên UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

4. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

a) Thường trực HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát và ban hành báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ sáu và các ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết từ kỳ họp thứ ba HĐND tỉnh khóa X trở về trước (Báo cáo số 87/BC-HĐND ngày 13/7/2022).

b) Trước kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X, Thường trực HĐND tỉnh đã phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức cho đại biểu TXCT báo cáo dự kiến chương trình kỳ họp thứ chín và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri của các tổ đại biểu HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp. Theo đó UBND tỉnh đã có Báo cáo số 4268/BC-UBND ngày 05/7/2022 về việc trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X.

c) HĐND tỉnh đã tiến hành phiên chất vấn đối với Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh và thủ trưởng các sở, ngành Nông nghiệp & PTNT, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh. Tại phiên chất vấn và trả lời chất vấn đã có 22 lượt đại biểu chất vấn, tiếp nhận 03 ý kiến, kiến nghị theo đường dây nóng gửi đến kỳ họp. Phiên

chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành nghiêm túc, dân chủ, đúng quy định của pháp luật, đạt được yêu cầu đề ra. Hầu hết các nội dung chất vấn đều tập trung vào những vấn đề vướng mắc, bức xúc được đông đảo cử tri và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm như vấn đề về quản lý, giải ngân các nguồn vốn đầu tư, kết quả cải thiện môi trường đầu tư, việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các hợp tác xã trong phát triển sản xuất, kinh doanh, công tác quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn; công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, công tác thanh tra, kiểm tra, việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo...

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được chất vấn đã tập trung vào nội dung chính, trọng tâm cần trả lời; đại biểu HĐND đã tích cực tham gia chất vấn thêm để làm rõ vấn đề, tạo không khí phiên chất vấn cởi mở, thẳng thắn; một số sở ngành có liên quan được Chủ tọa kỳ họp mời để trả lời bổ sung, làm rõ các nội dung chất vấn của đại biểu HĐND. Nhìn chung, cơ bản các ý kiến trả lời chất vấn và các ý kiến giải trình của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đúng nội dung, cụ thể, thẳng thắn trách nhiệm đối với những việc chưa làm được và đề ra được những giải pháp khắc phục. Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh đã thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và trả lời bổ sung vấn đề mà các sở, ngành được chất vấn chưa trả lời rõ. *(Nội dung cụ thể buổi chất vấn đã được tường thuật trực tiếp trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn).*

II. TÓM TẮT NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

1. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

a) Mức thu:

- Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe:

+ Các phường thuộc thành phố: 5.000 đồng/m²/ngày;

+ Các xã, thị trấn: 3.000 đồng/m²/ngày.

- Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích

khác:

+ Các phường thuộc thành phố: 15.000 đồng/m²/tháng;

+ Các xã trung tâm huyện và thị trấn: 5.000 đồng/m²/tháng;

+ Các xã còn lại: 3.000 đồng/m²/tháng.

b) Tỷ lệ trích để lại:

- Đối với thành phố: Để lại đơn vị trực tiếp thu 50% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, 50% nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với các huyện: Để lại đơn vị trực tiếp thu 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, 90% nộp ngân sách nhà nước.

c) Đối tượng nộp:

Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

d) Đối tượng miễn, giảm: Không.

e) Tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh

a) Mức thu *(chưa bao gồm bảo hiểm)*:

- Đối với hồ Ba Bể: 60.000 đồng/lần/người;

- Đối với động Hua Ma: 40.000 đồng/lần/người;
- Đối với động Thắm Phầy: 150.000 đồng/lần/người;
- Đối với động Nàng Tiên: 10.000 đồng/lần/người;

b) Tỷ lệ trích để lại:

- Đối với hồ Ba Bể, động Hua Ma, động Thắm Phầy: Để lại đơn vị trực tiếp thu 80% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, 20% nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với động Nàng Tiên: Để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, 10% nộp ngân sách nhà nước.

c) Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân thăm quan danh lam thắng cảnh.

d) Đối tượng miễn, giảm:

- Đối với hồ Ba Bể, động Hua Ma, động Nàng Tiên:

+ Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng; trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Giảm 50% mức phí đối với: Trẻ em từ 6 đến dưới 16 tuổi; người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; người khuyết tật; người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Đối với người thuộc diện hưởng nhiều chính sách giảm thì chỉ giảm tối đa 50% mức phí.

- Đối với động Thắm Phầy:

+ Giảm 50% phí thăm quan đối với các trường hợp sau: Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; các chuyên gia nghiên cứu về di sản văn hóa.

+ Đối với người thuộc diện hưởng nhiều chính sách giảm thì chỉ giảm tối đa 50% mức phí.

e) Tổ chức thu phí: Các đơn vị được giao quản lý danh lam thắng cảnh.

3. Phí thăm quan di tích lịch sử

a) Mức thu:

Đối với di tích Đền Phủ Thông, di tích Nhà Tu, di tích ATK (an toàn khu) Chợ Đồn: 10.000 đồng/lần/người.

b) Tỷ lệ trích để lại: Để lại đơn vị trực tiếp thu 100% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí và sửa chữa nhỏ.

c) Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân thăm quan di tích lịch sử.

d) Đối tượng miễn, giảm:

- Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng; trẻ em dưới 16 tuổi theo quy định của pháp luật.

- Giảm 50% mức phí đối với:

+ Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Người thuộc diện hưởng nhiều chính sách giảm thì chỉ giảm tối đa 50% mức phí.

đ) Tổ chức thu phí: Các đơn vị được giao quản lý di tích lịch sử.

4. Các loại phí: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; Phí thư viện, Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định hồ sơ, điều

kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Phí đăng ký biện pháp bảo đảm; Lệ phí đăng ký cư trú; Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng; Lệ phí đăng ký kinh doanh...

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

2. Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể:

1. Sửa đổi tên:

- Cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận, cung cấp thông tin về trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật **thành** *Tiếp nhận, cung cấp thông tin về trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.*

- Dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá cho các tổ chức, cá nhân theo quy định **thành** *Dịch vụ đấu giá tài sản*

- Dịch vụ công chứng hợp đồng giao dịch; Dịch vụ công chứng di chúc, nhận lưu giữ di chúc; Dịch vụ công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, văn bản từ chối nhận di sản; Dịch vụ công chứng bản dịch; Dịch vụ chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; Dịch vụ chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch **thành** *Dịch vụ công chứng*

- Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao **thành** *Tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao*

2. Bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN:

- Đăng ký, cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo nhiệm vụ, dự án của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đăng ký biến động đất đai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo nhiệm vụ, dự án của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông;

- Tư vấn và dịch vụ khuyến nông; Dịch vụ triển khai, thực hiện các Chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

- Dịch vụ triển khai, thực hiện các Chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Dịch vụ triển khai, thực hiện các Chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030

Nội dung cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp và có liên quan tham gia quản lý, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

- Hỗ trợ đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 30 triệu đồng/đơn *(đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ)*.

- Hỗ trợ đơn đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 15 triệu đồng/đơn *(đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ)*.

- Hỗ trợ đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 15 triệu đồng/đơn.

- Hỗ trợ đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 7,5 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ sáng chế; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm của tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về Ban hành quy định mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi kinh phí thực hiện bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình mới, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Mục III.2.a, Điều 1 Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” và những nội dung chuyên môn về tập huấn, bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; các cơ sở giáo dục, giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung chi: Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống quản lý học tập trực tuyến; Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng; Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác để kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng; Trường hợp các cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng hoặc mở lớp để tập huấn, bồi dưỡng hoặc biên soạn chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chi những nội dung chi sau (chi phí cho tất cả các học viên tham dự tập huấn, bồi dưỡng, không phân biệt học viên thuộc cơ sở giáo dục công lập hay ngoài công lập)...

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

5. Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Ban hành Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025

Nội dung cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

6. Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể:

1. Thông qua mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng,

xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- + Phần đầu có 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
- + Phần đầu có trên 47,9% tổng số xã (46/96 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: 32,6% (15/46 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 13% (6/46 xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- + Bình quân tiêu chí nông thôn mới đạt trên 15 tiêu chí/xã.
- + Phần đầu cả tỉnh có trên 60% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong lộ trình phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Nhiệm vụ: 06 nhóm nhiệm vụ.

2. Thông qua nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc phân bổ: Công khai, minh bạch, ưu tiên hỗ trợ các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đạt dưới 15 tiêu chí; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chính sách, đề án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (*chuyển sang thực hiện trong năm 2022*). Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện Chương trình (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021*) như sau:

- Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.
- Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.
- Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (*bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững*): Hệ số 1,0.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025:

- Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã: Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn*) như sau:

- + Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.
- + Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.
- + Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện: Hỗ trợ 02 huyện Bạch Thông và Chợ Đồn để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phần đầu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số 20,0.

- Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB: Thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành TW.

d) Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Hằng năm, ngân sách địa phương cấp tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (*nguồn vốn đầu tư*) như sau:

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn đầu tư).

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ vốn xây dựng công trình thực hiện theo kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đối với từng danh mục cụ thể của từng xã.

- Mức hỗ trợ của các công trình hạ tầng nông thôn được căn cứ vào tổng mức đầu tư hoặc dự toán của từng công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng hình thức thích hợp để người dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã thống nhất mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua. 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn đầu tư)

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

7. Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 3)

Nội dung cụ thể: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 3):

1. Giảm kế hoạch vốn: 144.445 triệu đồng, gồm: Dự phòng chung ngân sách địa phương chưa phân bổ: 1.906 triệu đồng và vốn chưa phân bổ chi tiết 142.539 triệu đồng.

2. Bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các nội dung: 144.445 triệu đồng, cụ thể:

a) 07 dự án quyết toán, dự án hoàn thành: 424 triệu đồng.

b) Vốn chuẩn bị đầu tư cho 01 dự án ODA: 1.482 triệu đồng.

c) Hỗ trợ các huyện, thành phố lập quy hoạch chung 66 xã: 16.500 triệu đồng.

d) Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: 126.039 triệu đồng.

8. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2)

Nội dung cụ thể: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2)

Tổng giá trị điều chỉnh là 29.264 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 06 chương trình, dự án: 29.264 triệu đồng.

b) Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn 14 chương trình, dự án: 29.264 triệu đồng.

Trong đó:

- 07 dự án quyết toán, dự án hoàn thành: 424 triệu đồng.

- 02 dự án khởi công mới năm 2022: 3.700 triệu đồng.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chung xây dựng của 34 xã: 8.500 triệu đồng.

- Chuẩn bị đầu tư 01 dự án ODA: 1.482 triệu đồng.

- Đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia: 15.158 triệu đồng.

9. Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh Về việc thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Nội dung cụ thể:

1. Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 435.738 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 394.270 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 41.468 triệu đồng.

2. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2022 là 174.423 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 163.290 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 11.133 triệu đồng.

c) Giao UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 theo đúng quy định.

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

10. Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Nội dung cụ thể:

1. Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 487.904 triệu đồng

b) Phân bổ theo nguồn vốn:

- Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 473.693 triệu đồng

- Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 14.211 triệu đồng

2. Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 như sau:

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 162.022 triệu đồng

b) Phân bổ theo nguồn vốn:

- Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 157.302 triệu đồng

- Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 4.720 triệu đồng

c) Đối với kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành 23.250 triệu đồng, UBND tỉnh phân bổ chi tiết theo thẩm quyền; đối với kế hoạch vốn cấp huyện điều hành 138.772 triệu đồng, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ chi tiết theo đúng quy định. Giao UBND tỉnh tổng hợp và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 như sau:

a) Tổng kinh phí phân bổ: 43.883 triệu đồng

b) Nguồn kinh phí phân bổ:

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022: 48.766 triệu đồng.

- Nguồn tỉnh điều hành năm 2022: 1.470 triệu đồng (gồm: Nguồn sự nghiệp kinh tế: 809 triệu đồng; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 634 triệu đồng; quản lý hành chính, đảng đoàn thể: 27 triệu đồng).

11. Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung cụ thể:

1. Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 1.650.024 triệu đồng

b) Phân bổ theo nguồn vốn:

- Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 1.560.785 triệu đồng

- Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 89.239 triệu đồng

2. Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 như sau:

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 317.252 triệu đồng

b) Phân bổ theo nguồn vốn:

- Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 300.876 triệu đồng

- Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 16.376 triệu đồng

c) Đối với kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành 165.534 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định; đối với kế hoạch vốn cấp huyện điều hành 151.718 triệu đồng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ chi tiết theo đúng quy định. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, cụ thể như sau:

a) Tổng kinh phí phân bổ và giao dự toán: 144.068 triệu đồng

b) Nguồn kinh phí phân bổ:

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 140.255 triệu đồng;

- Nguồn tỉnh điều hành năm 2022: 3.813 triệu đồng, (gồm: Nguồn sự nghiệp kinh tế: 919 triệu đồng; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 1.542 triệu đồng; sự nghiệp y tế: 725 triệu đồng; quản lý hành chính, đảng đoàn thể: 627 triệu đồng để phân bổ cho lĩnh vực sự nghiệp văn hóa thông tin và đảm bảo xã hội).

c) Đối với nguồn kinh phí chưa phân bổ tại kỳ họp này là 34.098 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 29.427 triệu đồng; ngân sách tỉnh 4.671 triệu đồng. Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đã thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh.

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

12. Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình bổ sung năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể: Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 05 công trình bổ sung năm 2022 với tổng diện tích 4,089 ha, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. 05 công trình gồm: Đường nội thị phía Tây thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì; Công trình: Xây dựng cầu Cốc Phát và cải tạo đường tỉnh ĐT258B, tỉnh Bắc Kạn (đoạn Ba Bể - Pác Nặm); Công trình: Xây dựng nhà Trạm Kiểm lâm Lũng Cháy; Công trình: Xây dựng nhà Trạm Kiểm lâm Lãng Ngâm; Công trình: Xây dựng nhà Trạm Kiểm lâm Hà Hiệu.

13. Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
 - Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
 - Đối tượng áp dụng: Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
2. Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng, như sau:
 - Đội trưởng đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng bằng 16% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.
 - Đội phó đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng bằng 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.
3. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp.

14. Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/ 7/ 2022 của HĐND tỉnh về Tán thành chủ trương thành lập thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Nội dung cụ thể: Tán thành chủ trương thành lập thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở nguyên trạng xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về diện tích tự nhiên, dân số và địa giới hành chính.

15. Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh Về chương trình giám sát của HĐND tỉnh Bắc Kạn năm 2023

Nội dung cụ thể:

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023
 - a) Xem xét báo cáo công tác của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật; báo cáo công tác của Thường trực HĐND tỉnh và các báo cáo của các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.
 - b) Xem xét Báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.
 - c) Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn.

d) Xem xét Báo cáo của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023

a) Xem xét báo cáo công tác của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022; dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật; báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các báo cáo của các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.

b) Xem xét Báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

c) Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn.

d) Lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

đ) Xem xét Báo cáo của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về việc chấp hành pháp luật về quản lý đất công gắn với tài sản công trên địa bàn tỉnh.

16. Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng giai đoạn 2017-2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

17. Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh Bắc Kạn

Nội dung cụ thể: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh Bắc Kạn gồm 03 chương, 18 điều.

(Nội dung cụ thể, các đại biểu và cử tri quan tâm truy cập trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>.)

18. Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 19/7/ 2022 của HĐND tỉnh về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Nguyễn Đình Điệp - Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn

19. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/ 2022 của HĐND tỉnh về Nghị quyết Kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Trên đây là những nội dung chủ yếu của kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X. Đại biểu HĐND tỉnh căn cứ vào Đề cương này và các Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua tham khảo, lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo kết quả kỳ họp thứ chín với cử tri.